

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THAN –
VINACOMIN**

Số 451/CLM-TCHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin

Mã chứng khoán/Mã thành viên : CLM

Trụ sở chính : Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 024. 39 424 634

Loại thông tin công bố : ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin trân trọng công bố Báo cáo thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18/04/2025 tại đường dẫn <https://coalimex.vn/doc-cat/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên.
- HĐQT, BKS (b/c);
- PGĐ Cty;
- P. KTTC;
- Lưu: VT, TCHC, Tky Cty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THAN – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025

Số: 452/BC-CLM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN
NĂM 2024

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100304, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 27/7/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
- Vốn điều lệ: 110.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 110.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 39424634 - Số fax: 024 39422350
- Website: www.coalimex.vn
- Mã cổ phiếu: CLM
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - o Công ty được thành lập từ ngày 01/01/1982 trên cơ sở chuyển Công ty Vật tư trực thuộc Bộ Điện Than thành Công ty Xuất nhập khẩu Than và Cung ứng Vật tư “Coalimex” (trực thuộc Bộ Mỏ và Than, sau đó trực thuộc Bộ Năng lượng).
 - o Ngày 01/12/2004, Bộ Công nghiệp có Quyết định số 149/QĐ-BCN chuyển Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex) nay là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex), trong đó: vốn điều lệ của Công ty là 20 tỷ đồng, Nhà nước (Tổng công ty Than Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) chiếm 59% cổ phần chi phối.
 - o Ngày 14/01/2005, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, thông qua phương án kinh doanh của Công ty cổ phần.

- Ngày 25/01/2005, Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty số 0103006588.
 - Ngày 06/11/2008, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty tại Giấy chứng nhận số 350/UBCK-GCN.
 - Ngày 26/12/2008, Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 lên 48.275.600.000 đồng; Theo đó tỷ lệ vốn của Doanh nghiệp Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) tại Công ty thay đổi từ 59% thành 55% vốn điều lệ.
 - Tháng 10/2010, Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Than – Vinacomin (COALIMEX) trở thành tên mới và thương hiệu của Công ty.
 - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã quyết định tăng vốn điều lệ lên thành 110 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 - Ngày 19/01/2016, Sở GDCKHN chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Quyết định 31/QĐ-SGDCKHN; Ngày 15/04/2016, Công ty thực hiện ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở GDCKHN.
- Các giải thưởng, bằng khen tiêu biểu của Công ty
- Huân chương Lao động Hạng Nhì cho CBCNV Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1999 – 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (QĐ số 460/2004/QĐ-CTN ngày 26/07/2004 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).
 - Huân chương Lao động Hạng Ba cho Đảng ủy Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001 – 2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (QĐ số 800/2006/QĐ-CTN ngày 07/07/2006 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).
 - Cờ thi đua của Chính phủ vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua 2003 của Tổng Công ty Than Việt Nam (QĐ số 340/QĐ-TTg ngày 07/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ).
 - Bằng khen của Bộ Công nghiệp (nay là bộ Công Thương) về thành tích thi đua lao động sản xuất và thực hiện nhiệm vụ công tác các năm 2000, 2001, 2002, 2004, 2005, 2006, 2007.
 - Bằng khen của Bộ Thương mại vì đã có thành tích xuất khẩu xuất sắc trong các năm 2002, 2004, 2005.
 - Bằng khen của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội về thành tích xuất sắc trong xuất khẩu lao động năm 2000, bằng khen về hợp tác kinh tế quốc tế năm 2004.
 - Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về thành tích xuất khẩu xuất sắc năm 2001, 2003, 2004 và hoạt động thương mại xuất sắc năm 2006.
 - Công ty được Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam trao thưởng danh hiệu “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội

nhập quốc tế năm 2004; được Ủy ban quốc gia về hợp tác quốc tế và Bảo thương mại điện tử tặng thưởng “Doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu xuất sắc năm 2006 – Business Excellence Awards”.

- Huân chương lao động hạng nhì cho Đảng bộ Công ty giai đoạn 2006 – 2010 theo QĐ số 184/QĐ-CTN ngày 21/10/2014 của Chủ tịch nước.
- Huân chương Độc lập hạng Ba cho Công ty giai đoạn 2009 – 2013 theo Quyết định số 2408/QĐ-CTN ngày 26/9/2014 của Chủ tịch nước.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với Đảng bộ Công ty giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 1003/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
- Cờ thi đua của Bộ Công thương năm 2016 theo Quyết định số 4132/QĐ- BCT ngày 31/10/2017.
- Cờ thi đua của Ủy ban quản lý vốn nhà nước (QĐ số 20/QĐ-UBQLV ngày 09/01/2020 của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước)
- Cờ Thi đua của Chính phủ đối với Công ty (Quyết định số 2077/QĐ-TTg ngày 11/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ) hoàn thành xuất sắc, toàn diện công tác, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2020.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Xuất nhập khẩu và chế biến kinh doanh than

Lĩnh vực kinh doanh thương mại than của Coalimex bao gồm: xuất khẩu than Việt Nam, nhập khẩu tất cả các loại than trên thế giới, mua than trong nước, có hệ thống kho bãi để dự trữ và chế biến than, vận tải và bán lẻ than đến hộ sử dụng cuối cùng.

Coalimex hiện đang là đơn vị duy nhất thuộc TKV được giao nhiệm vụ xuất khẩu than của TKV. Các thị trường xuất khẩu than của Công ty: Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan, Châu Âu và một số thị trường khác.

Từ cuối tháng 8 năm 2016, Coalimex được Tập đoàn TKV cho phép tham gia vào hệ thống các đơn vị kinh doanh than cuối nguồn của TKV để chế biến và cung cấp than tại địa bàn miền Nam, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đây là ngành nghề kinh doanh mới hết sức quan trọng, giúp Coalimex hoàn thiện chuỗi hoạt động kinh doanh than. Đến nay, Coalimex đã thành lập 5 trạm chế biến, kinh doanh than tại Hải Phòng, Huế, Long An và Cần Thơ.

2.2. Nhập khẩu vật tư thiết bị

Các mặt hàng vật tư – thiết bị nhập khẩu chủ yếu hiện nay của Coalimex bao gồm xe tải siêu trọng, máy xúc, máy khoan, lốp đặc chùng, thép chống lò, các loại hóa chất và các loại thiết bị vật tư chuyên dụng khác phục vụ cho các mỏ than, mỏ khoáng sản và tổ hợp bôxít-nhôm của TKV.

Với gần 45 năm kinh nghiệm, có mối quan hệ thân thiết, truyền thống lâu đời với bạn hàng trong nước và quốc tế, Coalimex đang là Nhà phân phối chính thức tại Việt Nam của các Tập đoàn lớn và uy tín của thế giới như: CATERPILLAR, VOLVO, SANDVIK, BRIDGESTONE, YOKOHAMA, SOJITZ, KOMATSU, KAWASAKI, BELAZ, SIBKABEL, KAMKABEL, FAMUR, FASER, WEBER Mining, SNF, SEFAR, v...v...

Các thiết bị vật tư tiêu biểu do Coalimex nhập khẩu như máy combain đào lò tự hành AM-50z, AM-45, máy xúc điện EKG-5, EKG-8I, EKG-10, máy khoan xoay cầu SBSH-250, máy xúc lật hông, máy khoan xúc tự hành TAMROCK, xe tải khung động VOLVO, xe tải siêu trọng CATERPILLAR, KOMATSU, lớp đặc chủng các loại, dàn chống, băng tải dốc, thép chống lò.

Không chỉ nhập khẩu đơn thuần, Coalimex đã kết hợp với Nhà sản xuất Ba Lan, Séc và các đơn vị cơ khí trong nước sản xuất một số thiết bị như: Máy đào lò AM-50z, Máy xúc EKG-5, EKG-10, giàn chống tự hành, đèn thợ mỏ...

2.3. Các ngành nghề kinh doanh khác

Thông qua mối quan hệ quốc tế bền vững và khả năng quản trị, Coalimex còn mở rộng phát triển kinh doanh trong các lĩnh vực khác như: kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); tư vấn, môi giới bất động sản; dịch vụ vận tải hàng hóa; tư vấn du học nước ngoài; hoạt động xuất khẩu lao động; và kinh doanh nitrat amôn hàm lượng cao.

Các ngành này chủ yếu được Công ty triển khai và phát triển trong phạm vi thị trường nội địa, nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và tận dụng lợi thế kinh doanh trong môi trường quen thuộc. Vì thế mức tăng trưởng của các ngành nghề kinh doanh khác của Công ty có mức tăng trưởng tốt qua các năm, mang về lợi nhuận ổn định cho Công ty.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

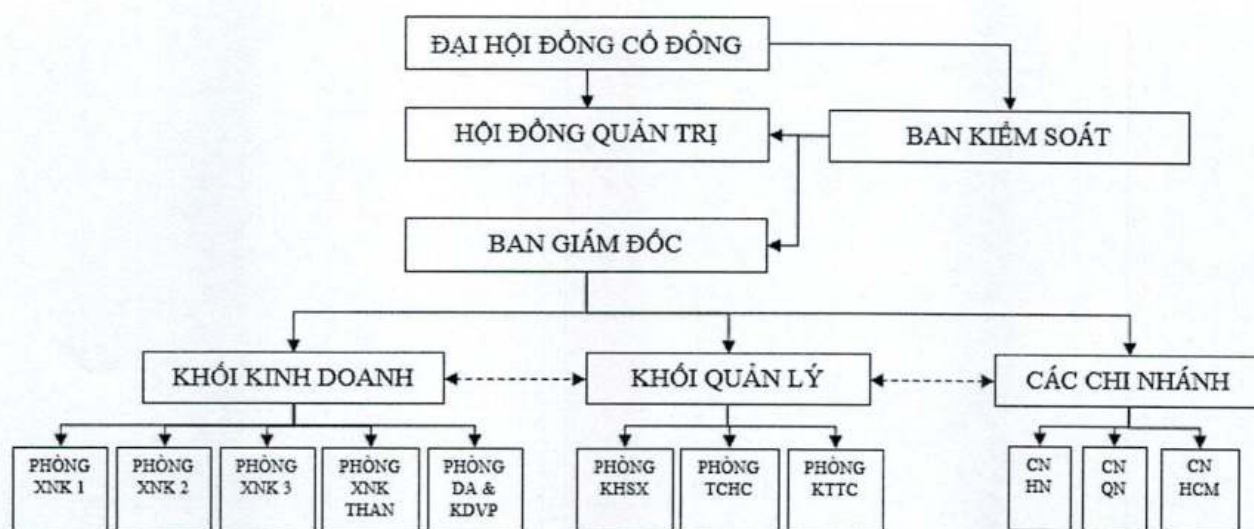
- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch và 04 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên, gồm: 01 Trưởng ban và 02 thành viên
- Giám đốc Công ty.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Ban giám đốc;
- Các phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Các phòng Quản lý;
- 03 Chi nhánh trực thuộc gồm Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Quảng Ninh, Chi nhánh Hồ Chí Minh

W

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

4.1. Mục tiêu dài hạn

Công ty định hướng phát triển theo nguyên tắc ***đảm bảo an toàn và đổi mới*** nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Công ty cam kết ***mở rộng quy mô hoạt động*** song song với việc ***nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm***, từng bước xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh và có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

Bên cạnh lĩnh vực xuất nhập khẩu than, công ty sẽ ***phát triển kinh doanh đa ngành nghề***, tận dụng tối đa tiềm năng và cơ hội từ thị trường, cũng như các mối quan hệ quốc tế bền chặt để gia tăng giá trị và mở rộng lĩnh vực hoạt động.

Để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng gia tăng, công ty sẽ ***không ngừng tăng cường nguồn vốn***, tối ưu hóa việc sử dụng tài chính nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

4.2. Mục tiêu trung hạn (giai đoạn 2025 – 2030)

Tiếp tục nêu cao vai trò lãnh đạo của Hội đồng quản trị, năng lực, hiệu quả điều hành của bộ máy lãnh đạo, quản lý, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu “An toàn - Đoàn kết – Trí tuệ-Thành công”.

Công ty tiếp tục hoạt động theo hướng kinh doanh mở rộng: Thương mại – Đầu tư – Dịch vụ. Trong giai đoạn 2025 -2030 trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả đạt được, Công ty tiến hành mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo tỷ lệ cổ tức hợp lý, thu nhập người lao động ổn định.

4.3. Phương hướng sản xuất kinh doanh giai đoạn 2025 – 2030

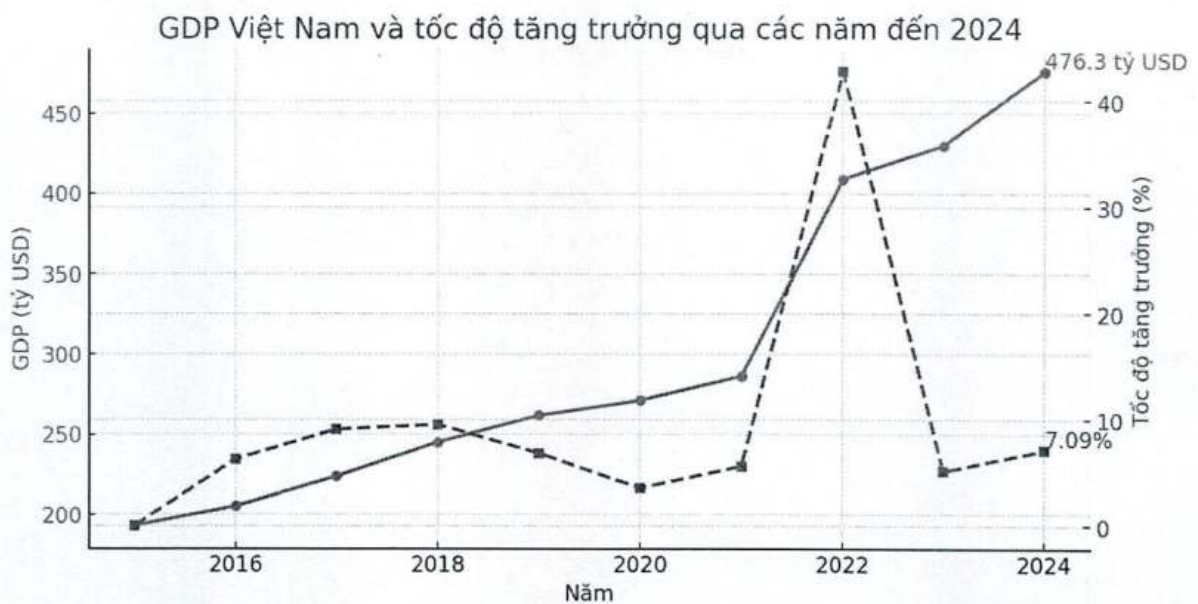
- Bám sát các nghị quyết, kế hoạch, các định hướng về SXKD ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Tập đoàn để ban hành nghị quyết, kết hợp với các giải pháp điều hành cùng với tăng cường công tác kiểm tra giám sát để đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh hằng năm của Công ty.
- Nâng cao vị thế cạnh tranh trong thị trường xuất nhập khẩu than; Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị là xuất nhập khẩu than, pha trộn chế biến than. Từ đó ưu tiên tập trung nhân lực, trí tuệ, tài chính và thời gian để hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm chủ yếu. Đặc biệt quan tâm vào các lĩnh vực mới, lĩnh vực phức tạp như nhập khẩu than từ Lào, lĩnh vực đang phát triển như chế biến pha trộn than, nhập khẩu than.
- Đẩy mạnh nâng cấp đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại kho cảng của các đơn vị tiếp nhận than thuộc Công ty để đảm bảo cung cấp đúng và đủ than theo kế hoạch; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường tại nơi sản xuất; Đặc biệt cần đưa vào nghiên cứu và triển khai đầu tư các kho bãi pha trộn chế biến than quy mô, bài bản, hiện đại theo định hướng của Tập đoàn.
- Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị nội bộ và hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty giúp minh bạch và tối ưu hoá hiệu quả công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, hướng đến năm 2030 Công ty trở thành doanh nghiệp số.
- Tiếp tục sắp xếp lại bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, yêu nghề, thạo việc, gắn bó với Công ty;
- Tiếp tục rà soát nhân sự các cấp, cơ cấu hợp lý các đơn vị trực thuộc trong Công ty, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh thương mại và tăng hiệu quả SXKD giai đoạn 2025 – 2030.
- Đẩy mạnh phát triển văn hóa doanh nghiệp hiện đại, xứng tầm khu vực, tạo dựng thương hiệu, bản sắc, nâng cao tính cạnh tranh, thúc đẩy sự tăng trưởng của Công ty vì mục tiêu phát triển bền vững.

5. Các rủi ro

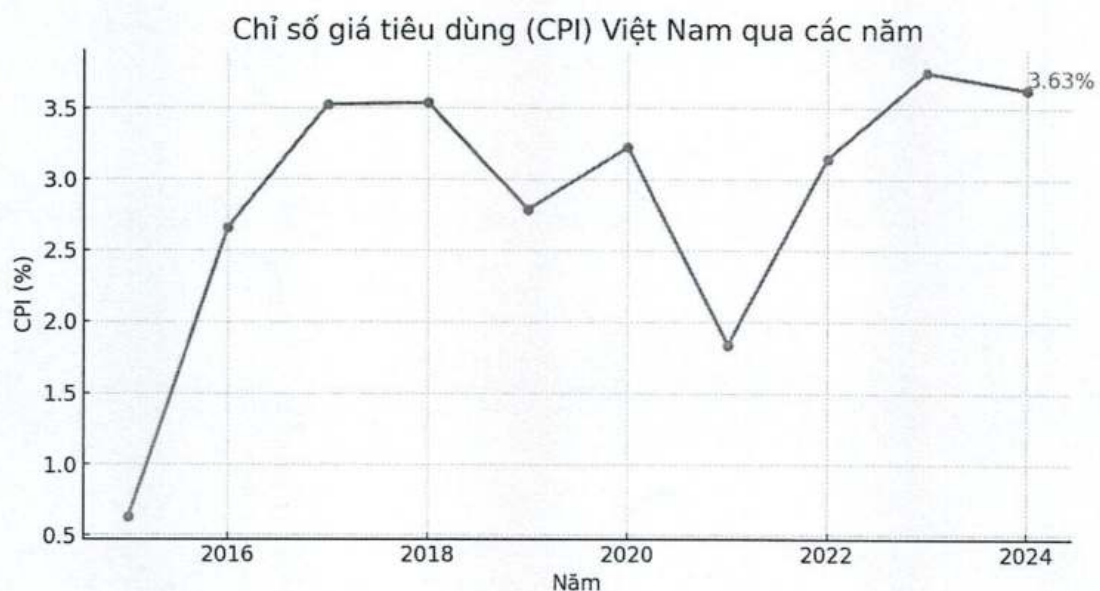
5.1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế thế giới nhìn chung tăng trưởng ổn định trong năm 2024, tuy nhiên ảnh hưởng tiêu cực bởi các xung đột địa chính trị tại Ukraine và Trung Đông khiến cho kinh tế thế giới không có nhiều khởi sắc. Giá cả hàng hóa thế giới hạ nhiệt, chính sách tài chính tiền tệ từng bước được nới lỏng. Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 được IMF dự kiến đạt 3,2%, giảm nhẹ so với 3,3% năm 2023.

Đối với Việt Nam, theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế cao hơn mục tiêu đề ra, các cân đối lớn được bảo đảm (có thặng dư cao); nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia và bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát tốt, thấp hơn giới hạn cho phép. Năm 2024, kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, với GDP tăng 7,09% so với năm trước, vượt mục tiêu 6,5% mà Quốc hội đề ra, thuộc nhóm số ít các nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới.



Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới 4%, tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.



Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lãi suất, lạm phát...là những yếu tố cơ bản hình thành nên hệ thống rủi ro kinh tế tác động trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong tình hình như hiện nay, Công ty chủ trương vận hành linh hoạt với sự biến động của thị trường, chủ động tìm kiếm cách thức huy động các nguồn vốn với chi phí rẻ đồng thời tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động nhằm duy trì tính hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không đúng hoặc do sự thay đổi của các văn bản pháp luật đối với hoạt động của Công ty. Công ty Cổ phần Xuất khẩu than – Vinacomin hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, những thay đổi về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Sau khi Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thành công, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và

các văn bản dưới luật. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề của Công ty cũng chịu sự chi phối của văn bản các ngành. Luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, các quy định còn chồng chéo dẫn đến sự bị động của doanh nghiệp trong việc tuân thủ các quy định về quản trị Doanh nghiệp cũng như của Thị trường Chứng khoán.

Để hạn chế những rủi ro do thay đổi các chính sách, quy định của pháp luật, Công ty luôn theo dõi, cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật đồng thời có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ nhân viên trong Công ty về các quy định của pháp luật liên quan đến các lĩnh vực tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty và các lĩnh vực khác.

5.3. Rủi ro đặc thù ngành

a. Rủi ro tỷ giá

Biến động tỷ giá ngoại tệ là một trong những nhân tố ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những yếu tố khách quan, phụ thuộc vào các chính sách vĩ mô cũng như những biến động của tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đang áp dụng chính sách tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát. Đây là chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý do NHNN xác định trên cơ sở rổ tiền tệ của các nước có quan hệ thương mại, vay, trả nợ, đầu tư với Việt Nam phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

Theo đại diện Ngân hàng Nhà nước, việc điều hành tỷ giá diễn ra hết sức linh hoạt, kết quả đạt được là tỷ giá USD cả năm 2024 tăng 5,03%. Trong cả năm 2024, NHNN đã điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp, góp phần hấp thu các cú sốc bên ngoài. Đồng thời phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ. Nhờ đó, thị trường ngoại tệ duy trì ổn định, thanh khoản thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ; tỷ giá diễn biến linh hoạt theo cả hai chiều tăng/giảm, phù hợp với điều kiện thị trường.

Tỷ giá có tác động rất lớn tới hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, nghĩa là doanh thu xuất khẩu của Công ty sẽ tăng trưởng cùng chiều với tỷ giá, còn hoạt động nhập khẩu của Công ty lại chịu tác động ngược chiều. Vì hai lĩnh vực này chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu của Công ty và có tác động ngược chiều nhau, nên xét về kết quả cuối cùng thì tác động của tỷ giá lên tổng doanh thu của Công ty không thay đổi đáng kể. Ngoài ra, Công ty có những dự báo và biện pháp thích hợp để giảm thiểu những tác động từ rủi ro tỷ giá trong quá trình kinh doanh như Công ty luôn ký hợp đồng với khách hàng, trong đó quy định rõ điều khoản giá bán vật tư, máy móc sẽ biến động cùng chiều với tỷ giá hối đoái giữa VNĐ và USD.

b. Rủi ro về chính sách

Hoạt động kinh doanh của Coalimex chủ yếu thuộc ngành than, khoáng sản. Do vậy, những thay đổi trong chính sách vĩ mô liên quan đến ngành, những thay đổi trong chính sách, định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đều ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Coalimex.

Với mục tiêu phát triển đa ngành, ngoài hoạt động xuất nhập khẩu vốn là thế mạnh của Công ty, Coalimex đang tập trung khai thác, mở rộng các thị trường giàu tiềm năng như các hoạt động đầu tư và xuất khẩu lao động... nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận, góp phần hạn chế rủi ro ngành (nếu có) cho Công ty.

Công tác xuất khẩu lao động tuy là lĩnh vực đóng góp nhiều tới sự nghiệp phát triển của Công ty nhưng do liên quan đến con người, phong tục tập quán của từng nước, mặt khác ý thức kỷ luật, chấp

hành pháp luật và nhận thức xã hội của người lao động Việt Nam còn thấp nên rủi ro trong xuất khẩu lao động tương đối cao. Điều đó đòi hỏi Công ty phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực thực sự chuyên sâu về các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

5.4. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu trên thị trường và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: Tình hình hoạt động của Công ty, tình hình Kinh tế - Chính trị - Xã hội, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư... Do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán có khả năng biến động. Ngoài ra, việc thay đổi những quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty.

5.5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể phải chịu những rủi ro mang tính bất khả kháng khác như hỏa hoạn, thời tiết, thiên tai, dịch họa...có thể gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2024

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH/KH
A	Chỉ tiêu về sản lượng				
	- Than xuất khẩu uỷ thác	tấn	200.000	91,216	46%
	- Than nhập khẩu	tấn	6.400.000	4.478.053	70%
	- Than pha trộn	tấn	2.430.000	2.099.069	86%
	- Than tự doanh	tấn	380.000	471.647	124%
	- Than giao nhận	tấn	4.600.000	4.832.394	105%
B	Tổng kim ngạch XNK	USD	748.920.000	556.402.867	74%
	- Xuất khẩu than	USD	40.000.000	22.582.392	56%
	- Xuất khẩu khác	USD	0	6.050.889	
	- Nhập khẩu than	USD	704.000.000	522.566.911	74%

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % TH/KH
	- Nhập khẩu VTTB	USD	4.920.000	5.202.675	106%
C	Chỉ tiêu về giá trị				
1.	Tổng doanh thu	Tr.đồng	20.318.500	17.623.880	87%
2.	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.đồng	291.420	322.331	111%
3.	Lợi nhuận	Tr.đồng	80.180	192.253	240%
4.	Thu nhập tiền lương b/q	Tr.đồng	25.007	28.009	112%
5.	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	Theo quy định	1.661.524	

1.2. Thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh năm 2024

Khó khăn	Thuận lợi
- Chiến sự giữa Nga và Ukraina đã hơn 3 năm, bất ổn chính trị, kinh tế và lạm phát trên diện rộng. - Những biến động trong giá nhiên liệu, vật liệu, cước vận tải. - Giá than xuất khẩu của Việt Nam vẫn cao hơn so với giá than thế giới, nhu cầu than cung cấp cho các nhà máy thép giảm. - Tỷ giá đồng đô la Mỹ biến động khó lường. - Mặt hàng vật tư nhập khẩu truyền thống bị cạnh tranh gay gắt. - Việc áp dụng khoa học công nghệ, xu hướng sử dụng AI đã làm thay đổi hiệu suất lao động của nhiều ngành nghề.	- Sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. - Sự ủng hộ của các đối tác, các tổ chức tín dụng. - Đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn cố gắng nâng cao trình độ chuyên môn, áp dụng những cải tiến mới để nâng cao hiệu quả trong công việc.

1.3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

a. Xuất nhập khẩu và chế biến kinh doanh than

- Than xuất khẩu uỷ thác:

Sản lượng than xuất khẩu uỷ thác năm 2024 đạt trên 91 nghìn tấn các loại, kim ngạch xuất khẩu than đạt 22,58 triệu đô la Mỹ, hoàn thành 46% kế hoạch sản lượng năm. Nguyên nhân chỉ tiêu than xuất khẩu uỷ thác không hoàn thành kế hoạch là do giá than xuất khẩu của Việt Nam cao hơn giá than Thế giới, mặc dù TKV đã có điều chỉnh giá than nhưng vẫn chưa hấp dẫn được các khách hàng mua than. Một số khách hàng truyền thống của Công ty đã chuyển sang sử dụng than từ các nhà cung cấp khác.

Để có thể tăng sản lượng than xuất khẩu, Công ty đã tìm kiếm khách hàng ở các thị trường mới. Tháng 6/2024, Công ty xuất khẩu được hơn 42 nghìn tấn sang thị trường Bỉ, mang lại hiệu quả kinh tế cao và giúp giảm tồn kho than chất lượng cao của TKV.

- **Than nhập khẩu:**

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn về việc đảm bảo đủ than nhập khẩu để pha trộn cấp cho các Nhà máy nhiệt điện, ngay từ cuối năm năm 2023, Công ty đã xây dựng kế hoạch và phương án sản lượng nhập khẩu than nhập được giao. Tuy nhiên do ảnh hưởng bất thường của thời tiết, các nhà máy nhiệt điện giảm sản lượng tiêu thụ than nên sản lượng than nhập khẩu năm 2024 chỉ đạt 4,48 triệu tấn, tương đương 522,57 triệu đô la Mỹ, hoàn thành 70% kế hoạch sản lượng than nhập khẩu năm 2024 và bằng 100% so với năm 2023. Tháng 11, Công ty đã đấu thầu thành công nhập khẩu 100 nghìn tấn than Lào và đến 31/12/2024 đã thực hiện được 23,2 nghìn tấn than Lào nhập khẩu.

- **Than pha trộn:**

Căn cứ mục tiêu chính trị của Chính phủ giao cho TKV, phát huy tốt vai trò chủ lực trong đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đồng thời thực hiện chủ trương của Tập đoàn đẩy mạnh sản xuất, tăng sản lượng đáp ứng than cho nhiệt điện, nhưng do sản lượng thủy điện được phát tối đa công suất nên nhu cầu sử dụng than của các Nhà máy nhiệt điện giảm. Sản lượng than pha trộn giao nhiệt điện năm 2024 chỉ đạt 2,099 triệu tấn, tương đương với 86% kế hoạch năm. Công ty luôn bám sát theo tỷ lệ phương án pha trộn và kế hoạch mà TKV giao, hàng tháng chủ động nguồn than vào pha trộn, chất lượng than pha trộn đạt tiêu chuẩn mà TKV đề ra.

- **Than nội địa tự doanh:**

Nhờ bám sát nhu cầu của khách hàng, nắm bắt thông tin kịp thời nên năm 2024 Công ty vẫn cung cấp được cho Formosa được 126,16 nghìn tấn than cám 3b.2. Sản lượng than nội địa tự doanh năm 2024 đạt 345,49 nghìn tấn, nâng tổng số than nội địa tự doanh của Công ty năm 2024 lên 471,65 nghìn tấn đạt 124% kế hoạch sản lượng năm và bằng 126% so với năm 2023.

- **Công tác giao nhận than:**

Công ty thực hiện tốt công tác giao nhận than cho Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1 và Vĩnh Tân 2, đảm bảo an toàn về số lượng và chất lượng than giao nhận giữa cảng xếp và cảng dỡ. Sản lượng than giao nhận năm 2024 đạt 4,83 triệu tấn, hoàn thành 105% kế hoạch năm và bằng 106% so với năm 2023.

b. Nhập khẩu vật tư thiết bị

Lĩnh vực kinh doanh, nhập khẩu vật tư thiết bị tiếp tục gặp nhiều khó khăn như sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các đơn vị thương mại, những rào cản trong chính sách về đấu thầu, năng lực đấu thầu ngày càng thắt chặt, tình hình kinh tế trong nước khó khăn khiến các đơn vị sản xuất giảm sản lượng, tiết kiệm chi phí dẫn đến giảm mua sắm vật tư thiết bị... Kim ngạch nhập khẩu VTTB năm 2024 của Công ty đạt gần 5,20 triệu đô la Mỹ đạt 106% kế hoạch năm.

c. Các ngành nghề kinh doanh khác

- **Xuất khẩu lao động:**

Năm 2024, tỷ giá đồng yên Nhật vẫn ở mức thấp khiến lương của thực tập sinh (TTS) tại Nhật Bản bị giảm giá trị đến 1/3, gây ảnh hưởng đến tâm lý của TTS đang làm việc tại Nhật Bản cũng như những người lao động ở Việt Nam đang có nguyện vọng đi tu nghiệp tại Nhật, khiến cho công tác tuyển

dụng người lao động cũng gặp nhiều khó khăn. Số lượng thực tập sinh (TTS) đi làm việc tại Nhật Bản năm 2024 chỉ đạt 35 lao động tuy nhiên giá trị sản xuất của lĩnh vực này vẫn hoàn thành mục tiêu đề ra.

- **Kinh doanh cho thuê văn phòng:**

Năm 2024, Công ty thực hiện tốt công tác kinh doanh cho thuê văn phòng. Tính đến 31/12/2024, số lượng khách thuê tại Tòa nhà 33 Tràng Thi – Hà Nội là 21 đơn vị, diện tích cho thuê là 4.389,5 m² đạt tỷ lệ lấp đầy 87%. Tại Tòa nhà 29-31 Đinh Bộ Lĩnh – Hồ Chí Minh số lượng khách thuê là 24 khách, diện tích cho thuê đạt 1.417,67 m² tương đương tỷ lệ lấp đầy 82,51%. Công tác bảo dưỡng duy tu tòa nhà và chăm sóc khách hàng thực hiện đúng định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, giữ vững và tăng số lượng khách hàng thuê.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Phạm Minh	Giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị	33.968	0,31
2	Nguyễn Thùy Dương	Phó giám đốc Công ty	0	0
3	Lê Thị Thu Trang	Phó giám đốc Công ty	76.608	0,70
4	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	Kế toán trưởng	16.500	0,15

2.2. Lý lịch trích ngang

- **Ông Phạm Minh – Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty**

1. Họ và tên: **PHẠM MINH**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 18/06/1977

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

6. Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân ngoại ngữ Tiếng Anh

7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị.

8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

9. Quá trình công tác: 

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2000 – 12/2004	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
01/2005 – 01/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
01/2006 – 07/2007	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
08/2007 – 02/2008	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Phó trưởng phòng
03/2008 – 07/2010	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Quyền trưởng phòng
08/2010 – 04/2015 04/2015 – 8/2016	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng Phó Giám đốc Công ty
09/2016 - 07/2022	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị
08/2022 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Thùy Dương – Phó giám đốc Công ty

1. Họ và tên: **NGUYỄN THÙY DƯƠNG**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 05/6/1974

4. Quốc tịch: Việt Nam

5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

6. Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh

7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty

8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1996 – 10/2003	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2003 – 07/2007	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Phó trưởng phòng
08/2007 – 02/2019	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng
03/2019 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty

- Bà Lê Thị Thu Trang – Phó giám đốc Công ty

- Họ và tên: **LÊ THỊ THU TRANG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 24/07/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân ngoại ngữ Tiếng Anh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2000 – 08/2005	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
09/2005 – 06/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
07/2006 – 11/2009	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Trưởng phòng
12/2009 – 15/12/2019	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Kế toán trưởng Công ty
16/12/2019 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ngân – Kế toán trưởng Công ty

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÂN**

2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 09/07/1976
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
6. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty
7. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
8. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1998 – 10/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
10/2006 – 14/12/2019	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó trưởng phòng
15/12/2019 đến 3/2024	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng Kế toán tài chính
4/2024 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Kế toán trưởng

a. Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm 2024: Bỏ nhiệm Kế toán trưởng công ty từ tháng 4/2024.

b. Số lượng CNVC-LĐ và chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động bình quân: 150 người.
- Chính sách đối với người lao động:

Hàng năm, người lao động trong Công ty được Công ty tổ chức cho đi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ... đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc;

Được Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ; cấp phát thuốc phòng bệnh; điều dưỡng, nghỉ mát...

Công ty luôn đảm bảo, tạo điều kiện để người lao động được tham gia, xây dựng và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ như quy chế thực hiện dân chủ, quy chế quản lý lao động tiền lương và trả lương, quy chế Thi đua - Khen thưởng...

Thực hiện đầy đủ đúng quy định của Nhà nước trong việc thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động như chế độ hưu trí, bảo hiểm xã hội.v.v.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Năm 2024, Công ty đã triển khai thực hiện Dự án đầu tư thiết bị PVSX kinh doanh năm 2024
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin (3 xe phun sương dập bụi và 1 xường cao

tốc), giá trị thực hiện đầu tư đến 31/12/2024 là: 3.133 triệu đồng/3.211 triệu bằng 97,57% Kế hoạch đầu tư năm 2024 (điều chỉnh).

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023 (đồng)	Năm 2024 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.405.106.060.024	1.348.341.662.126	(43,94)
Doanh thu thuần	17.924.551.562.822	17.533.257.477.305	(2,18)
Lợi nhuận từ HĐKD	194.762.906.365	161.703.779.394	(16,97)
Lợi nhuận khác	31.088.473.939	30.549.153.608	(1,73)
Lợi nhuận trước thuế	225.851.380.304	192.252.933.002	(14,88)
Lợi nhuận sau thuế	179.309.544.505	148.834.097.057	(17,00)
Tỷ lệ trả cổ tức (%Mệnh giá)	30%	20% (dự kiến trình ĐHCĐ)	

- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023: 110 tỷ đồng
- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2024: 110 tỷ đồng

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	KH 2024	TH 2024
1.	Hệ số thanh toán				
1.1	Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	1,32	1,16	2,16
1.2	Hệ số thanh toán tổng quát	Lần	1,37		2,27
1.3	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,81		1,01
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,73	5,37	0,79
3	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản				
3.1	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	%	96,56		94,02

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	KH 2024	TH 2024
3.2	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	%	3,44		5,98
4	Hệ số về khả năng sinh lời				
4.1	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	7,46		11,04
4.2	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	28,28		19,85

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 11.000.000 cổ phiếu
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không
- Cổ tức: dự kiến tối thiểu 20% mệnh giá.

b. Cơ cấu cổ đông (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/03/2025)

Loại cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Tỷ lệ sở hữu			
Cổ đông lớn	2	675.176	61,38
Cổ đông nhỏ	182	10.324.824	38,62
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	184		
Cổ đông tổ chức	3	6.099.948	55,45
Cổ đông cá nhân	181	4.900.052	44,55
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	184		
Cổ đông trong nước	184	11.000.000	100
Cổ đông nước ngoài	0		

Loại cổ đông	Số lượng (cổ đông)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông doanh nghiệp nhà nước và cổ đông khác	184		
Cổ đông doanh nghiệp nhà nước <i>Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam</i>	1	6.095.348	55,41
Cổ đông khác	183	4.904.652	44,59

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Không

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, Công ty không có đợt tăng, giảm vốn điều lệ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Công ty đảm bảo quản lý nguồn nguyên vật liệu hiệu quả, tiêu thụ năng lượng, nước... tiết kiệm; Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2024, Công ty không bị xử phạt về môi trường.

6.1. Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2024, tổng lượng điện năng tiêu thụ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin là 916.709 kWh, với tổng chi phí tương ứng là 3.151.641.799 đồng. Nguồn điện được cung cấp từ đơn vị cung ứng điện lực theo quy định hiện hành. Việc sử dụng điện phục vụ cho các hoạt động vận hành văn phòng, kho bãi, và hệ thống logistics đã được công ty kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Chi phí năng lượng này được hạch toán vào giá thành sản phẩm, dịch vụ theo đúng quy định về kế toán và quản lý chi phí của doanh nghiệp.

6.2. Tiêu thụ nước

Trong năm 2024, tổng lượng nước sạch tiêu thụ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin là 13.690 m³, với tổng chi phí tương ứng là 343.978.344 đồng. Nguồn nước được cung cấp từ đơn vị cấp nước quy định, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và vận hành tại trụ sở văn phòng và các cơ sở trực thuộc. Công ty đã triển khai các biện pháp quản lý và giám sát sử dụng nước hiệu quả, đảm bảo tiết kiệm chi phí và tuân thủ các quy định về sử dụng tài nguyên nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

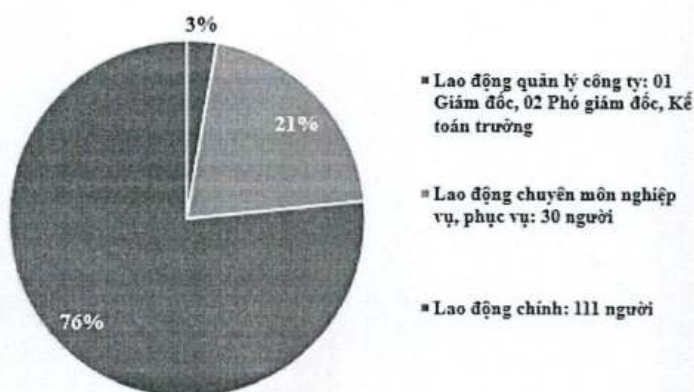
6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động



- a. **Số lượng lao động (tại thời điểm 31/12/2024):** 145 người; **mức lương trung bình** 28 triệu đồng/người/tháng.



b. Chính sách tiền lương, thù lao, tiền thưởng

Các chính chế độ, chính sách, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, người lao động được thực hiện theo quy định của Pháp luật, quy chế, quy định của TKV và của Công ty.

Công ty thực hiện áp dụng Hệ thống thang, bảng lương của TKV theo Quyết định số 1999/QĐ-TKV ngày 28/10/2024 của TKV; chuyển xếp lương và thu nộp các loại hình bảo hiểm bắt buộc cho người quản lý, người lao động trong Công ty từ ngày 01/7/2024.

c. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ, đi nghỉ mát, điều dưỡng để phục hồi sức khỏe. Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động.

Trong năm 2024, Các chế độ phúc lợi cho người lao động, chế độ khám sức khỏe định kỳ, nghỉ mát và các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao.v.v. của Công ty luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo, Công đoàn phối hợp thực hiện đạt kết quả tốt.

d. Hoạt động đào tạo người lao động

Tổ chức cho người lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn do TKV và các đơn vị có chức năng tổ chức. Tạo điều kiện cho người lao động tham gia học đại học, thạc sĩ ngoài giờ hành chính.

- Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức đào tạo cho 179 lượt người lao động trong năm với tổng chi phí đào tạo là 341.891.945 đồng.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Thường xuyên hưởng ứng các hoạt động của địa phương, tham gia ủng hộ các hoạt động từ thiện, khó khăn do lũ lụt, dịch bệnh...do Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hà Nội, TKV và các địa phương khác phát động. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện chi cho công tác từ thiện xã hội 3.230 triệu đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	So sánh năm trước	So sánh TH/KH
1	Sản lượng						
	- SL than xuất khẩu uỷ thác	Tấn	200.000	41.677	91.216	219%	46%
	- SL than nhập khẩu	Tấn	6.400.000	4.487.727	4.478.053	100%	70%
	- SL than pha trộn	Tấn	2.430.000	1.696.006	2.099.069	124%	86%
	- SL than kinh doanh nội địa	Tấn	380.000	374.514	471.647	126%	124%
	- SL than giao nhận	Tấn	4.600.000	4.555.293	4.832.394	106%	105%
2	Tổng kim ngạch XNK hàng hóa	USD	748.920.000	621.474.824	556.402.867	90%	74%
	- Xuất khẩu than	USD	40.000.000	12.963.243	22.582.392	174%	56%
	- Xuất khẩu khác	USD	-	-	6.050.889		
	- Nhập khẩu than	USD	704.000.000	603.603.940	522.566.911	87%	74%
	- Nhập khẩu VTTB	USD	4.920.000	4.907.641	5.202.675	106%	106%
3	Tổng doanh thu	Tr.VND	20.318.500	18.058.817	17.623.880	98%	87%
4	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.VND	291.420	350.273	322.331	92%	111%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.VND	80.180	225.851	190.853	85%	238%

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	So sánh năm trước	So sánh TH/KH
6	Tổng quỹ lương	Tr.VND	41.605	49.926	50.415	101%	121%
	- Theo đơn giá	Tr.VND	40.372	48.446	48.293	100%	120%
	- Quỹ lương cán bộ quản lý	Tr.VND	1.233	1.480	2.122	143%	172%
7	Tiền lương bình quân	ngh.đồng/ ng/tháng	25.007	27.737	28.009	101%	112%
8	Tỷ lệ cổ túc/Vốn điều lệ	%	≥20%	30%	20% (dự kiến trình ĐHĐCĐ)		

So với kế hoạch năm 2024 các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu của công ty chưa hoàn thành kế hoạch. Nhưng nhờ việc kiểm soát chi phí tốt, lợi nhuận hoàn thành vượt mức, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 192,25 triệu đồng, bằng 238% so với kế hoạch. Công ty đã mua bảo hiểm tài sản; trích lập các khoản dự phòng theo đúng quy định; không phát sinh vật tư, hàng hóa kém phẩm chất. Quỹ đầu tư phát triển hàng năm được trích lập bổ sung, vốn của Công ty được bảo toàn và phát triển.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Trong năm 2024, tổng tài sản của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin đạt 1.348 tỷ đồng, giảm 1.057 tỷ đồng, tương đương 44% so với đầu năm chủ yếu do giảm các khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (giảm từ 926.536 triệu đồng tại 31/12/2023 xuống còn 1.111 triệu đồng tại 31/12/2024). Tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản (khoảng 94%), phù hợp với đặc thù hoạt động thương mại than của công ty, phản ánh chủ trương kiểm soát tốt quy mô kinh doanh, tập trung vào hiệu quả sử dụng vốn, đặc biệt là trong công tác quản lý hàng tồn kho và thu hồi công nợ. Tài sản dài hạn ghi nhận 80 tỷ đồng, giảm nhẹ so với đầu năm và chiếm khoảng 7% tổng tài sản, bao gồm các khoản đầu tư vào tài sản cố định, bất động sản đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác.

Công ty đang sử dụng tài sản rất hiệu quả khi duy trì được doanh thu ở mức cao mà vẫn chủ động thu gọn quy mô tài sản. Tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản phản ánh định hướng duy trì mô hình hoạt động tinh gọn, hạn chế đầu tư tài sản dài hạn, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Công ty tiếp tục theo đuổi chiến lược sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có, đảm bảo an toàn tài chính và thích ứng linh hoạt với diễn biến của thị trường.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng nợ phải trả của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin là 594,2 tỷ đồng, giảm 1.167,4 tỷ đồng, tương đương 66% so với đầu năm. Trong đó, nợ

ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn với 587,7 tỷ đồng, giảm mạnh từ mức 1.755,3 tỷ đồng vào đầu năm. Nợ dài hạn ở mức 6,5 tỷ đồng, không biến động đáng kể. Việc giảm mạnh nợ phải trả trong năm phản ánh định hướng của công ty trong việc chủ động thu hẹp quy mô tài chính, kiểm soát chặt chẽ các nghĩa vụ thanh toán và nâng cao năng lực thanh khoản.

Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản tại thời điểm cuối năm giảm từ mức khoảng 73% xuống còn 44%, góp phần quan trọng vào việc củng cố sức khỏe tài chính và giảm áp lực chi phí lãi vay cho công ty. Đây là kết quả từ định hướng điều hành tài chính thận trọng, linh hoạt và hiệu quả của Ban điều hành trong năm 2024.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Kế hoạch SXKD năm 2025:

Căn cứ công văn số 6636/TKV-KH ngày 26/11/2024 của TKV thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2025 của Công ty như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025
1	Các chỉ tiêu sản lượng		
	- Than xuất khẩu uỷ thác	tấn	200.000
	- Than nhập khẩu	tấn	6.700.000
	- Than pha trộn	tấn	2.700.000
	- Than tự doanh	tấn	400.000
	- Than giao nhận	tấn	4.600.000
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	23.071.600
3	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	384.650
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	73.000
5	Thu nhập tiền lương b/q	ngh.đ/ng/th	23.035

Dự kiến Kế hoạch nêu trên sẽ được trình tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 được tổ chức vào ngày 28/4/2025.

3.2. Phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2025

Với mục tiêu hoàn thành tốt những chỉ tiêu chủ yếu SXKD như trên, Công ty đã đề ra phương hướng, kế hoạch và những giải pháp thực hiện như sau:

Công tác sản xuất kinh doanh:



- **Công tác xuất khẩu uỷ thác than:** Giữ vững thị trường những khách hàng truyền thống như Hàn Quốc, Đài Loan, Indonesia... và mở rộng tìm kiếm thị trường mới với mục tiêu xuất khẩu 200 nghìn tấn than trong năm 2025.
- **Công tác nhập khẩu than:** Với mục tiêu năm 2025 hoàn thành sản lượng 6,7 triệu tấn than nhập khẩu trong đó có 1,3 triệu tấn than nhập khẩu đường bộ từ Lào, ngay từ cuối năm 2024, Công ty đã lên kế hoạch và phương án tập trung tìm kiếm chủng loại than có chất lượng phù hợp với nhu cầu thị trường và yêu cầu của TKV, phối hợp với các ngân hàng trong nước để thực hiện tốt công tác tài chính.
- **Công tác pha trộn, chế biến than:** Tiếp tục nâng cao năng lực pha trộn để giao than vào các nhà máy nhiệt điện. Áp dụng pha trộn theo công nghệ mới để hoàn thành mục tiêu cung cấp 2,7 triệu tấn than pha trộn giao cho các nhà máy nhiệt điện.
- **Công tác giao nhận than:** Trên cơ sở kinh nghiệm, kết quả thực hiện trong công tác giao nhận tại Nhiệt điện Vĩnh Tân 1 và Vĩnh Tân 2, năm 2025 cũng là năm đầu tiên công ty được TKV phê duyệt công tác giao nhận than cung cấp cho nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1. Mục tiêu là công ty sẽ hoàn thành tốt công tác giao nhận 4,6 triệu tấn than cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện theo đúng với hợp đồng Công ty đã ký với TKV.
- **Công tác nhập khẩu kinh doanh VTTB:** Trên cơ sở sắp xếp lại đội ngũ cán bộ làm công tác kinh doanh VTTB năm 2024, Ban Giám đốc, các phòng quản lý tiếp tục nghiên cứu, đề xuất và có các giải pháp để hỗ trợ bổ sung công việc phù hợp cho các đơn vị này, phấn đấu hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đã đề ra.
- **Công tác xuất khẩu lao động:** Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Nhà nước hiện hành. Tìm kiếm các đối tác mới để mở rộng thị trường lao động. Sử dụng và kinh doanh có hiệu quả một phần cơ sở đào tạo tại Yên Viên. Phối hợp chặt chẽ với đối tác nước ngoài để quản lý người lao động đang làm việc tại nước ngoài.
- **Công tác kinh doanh văn phòng:** Tăng cường quảng bá và tiếp thị tìm kiếm khách thuê mới để nâng cao tỷ lệ diện tích lấp đầy, đưa ra những giải pháp chăm sóc khách hàng để giữ chân khách hàng cũ. Quản lý, vận hành Tòa nhà đảm bảo hoạt động hiệu quả; đảm bảo an toàn, an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy Tòa nhà. Bên cạnh công tác kinh doanh văn phòng cho thuê, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ đã được phân công, bộ phận kinh doanh văn phòng cần phải đưa ra các kế hoạch, phương án cho việc sử dụng, khai thác có hiệu quả khu đất tại Yên Viên.
- **Công tác khác:** Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường với những lĩnh vực mới.
- **Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025:** Doanh thu đạt 23.071,6 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 73 tỷ đồng, tiền lương bình quân từ 23 triệu đồng trở lên.

Công tác đầu tư:

- Trong năm 2025, Công ty được TKV giao thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2025 tại Văn bản số 6582/TKV-ĐT ngày 25/11/2024 và được Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2025 tại Quyết định số 240/QĐ-CLM ngày 05/12/2024, bao gồm 02 dự án cụ thể như sau:
Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị PVSX kinh doanh năm 2024 - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin.

W ✓

Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị PVSX kinh doanh năm 2025 - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin.

- Cơ cấu vốn đầu tư năm 2025:

Tổng số: 11.842 triệu đồng. Trong đó:

Thiết bị: 11.295 triệu đồng.

Chi phí khác: 547 triệu đồng.

Công tác quản lý

- Đẩy mạnh quan hệ với các ngân hàng, đáp ứng kịp thời vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với chi phí hợp lý;
- Theo dõi chặt chẽ công tác quản lý tài sản, quản lý vốn và phối hợp với các phòng kinh doanh theo dõi công nợ, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, thu hồi tiền hàng đúng hạn, không phát sinh nợ kéo dài, đảm bảo an toàn vốn.
- Thực hiện tốt quy chế khoán và xây dựng các giải pháp điều hành, quản trị doanh nghiệp an toàn - hiệu quả, trong đó tập trung quản trị tốt các định mức kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm chi phí. Quản lý và đề cao ý thức tiết kiệm chi phí để nâng cao lợi nhuận.
- Tiếp tục rà soát đề sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước đúng, đủ và đúng thời hạn.
- Tăng cường thực hiện tin học hóa – tự động hóa vào công tác sản xuất và quản lý của Công ty.
- Quan tâm đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, tiếp tục triển khai đánh giá hiệu quả công việc theo KPI và trả lương theo vị trí việc làm để tăng cường hiệu quả công việc.
- Phối hợp với các cơ quan quản lý lao động để giải quyết các chính sách đối với Người lao động, duy trì thực hiện tốt chế độ phúc lợi và chăm sóc sức khỏe cho Người lao động.

Công tác chăm lo đời sống người lao động

- Thực hiện đúng đủ chế độ, chính sách cho người lao động đã cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể, tạo điều kiện cho người lao động được khám bệnh, điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe, học tập nâng cao trình độ học vấn, trình độ nghiệp vụ phù hợp với công việc và nhu cầu của Công ty.
- Tiếp tục tạo điều kiện để các tổ chức Đảng, Công đoàn, Nữ công, Đoàn Thanh niên tổ chức các chuyến tham quan, nghỉ mát, hoạt động sinh hoạt tập thể, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV trong Công ty.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin luôn xác định rõ trách nhiệm trong việc phát triển bền vững, kết hợp giữa hiệu quả kinh doanh với việc tuân thủ pháp luật về môi trường, đảm bảo quyền lợi người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

4.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Trong năm 2024, công ty đã triển khai hiệu quả công tác quản lý tài nguyên, sử dụng năng lượng và nước tiết kiệm, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Cụ thể, tổng lượng điện năng tiêu thụ trong năm là 916.709 kWh, với tổng chi phí 3.151.641.799 đồng; tổng lượng nước sạch tiêu thụ là 13.690 m³, với chi phí 343.978.344 đồng. Các nguồn cung cấp điện và nước đều được lấy từ các đơn vị phân phối chính thức theo quy định hiện hành

Việc tiêu thụ năng lượng và nước được công ty kiểm soát chặt chẽ, phục vụ hoạt động vận hành văn phòng, kho bãi và hệ thống logistics. Chi phí liên quan được hạch toán minh bạch theo quy định tài chính – kế toán. Trong năm 2024, công ty không có vi phạm và không bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường, thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Tính đến ngày 31/12/2024, công ty có 145 người lao động, trong đó: 04 người thuộc nhóm quản lý, 30 người thuộc khối chuyên môn – nghiệp vụ và 111 lao động chính. Mức lương bình quân đạt 28 triệu đồng/người/tháng. Các chính sách về lương, thưởng, thù lao, bảo hiểm và chế độ phúc lợi đều được thực hiện đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tập đoàn TKV. Từ ngày 01/7/2024, Công ty đã thực hiện chuyển xếp lương và thu nộp đầy đủ các loại hình bảo hiểm bắt buộc theo hệ thống thang bảng lương của TKV theo Quyết định số 1999/QĐ-TKV.

Công ty đặc biệt quan tâm đến sức khỏe và phúc lợi người lao động: tổ chức khám sức khỏe định kỳ, nghỉ mát, phục hồi sức khỏe, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và duy trì các hoạt động văn hóa – thể thao nội bộ. Ngoài ra, trong năm 2024, công ty đã tổ chức 179 lượt đào tạo, với tổng chi phí 341.891.945 đồng, tạo điều kiện cho người lao động tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, cũng như học tập nâng cao trình độ đại học, sau đại học. Các chương trình đào tạo góp phần duy trì việc làm ổn định và hỗ trợ phát triển sự nghiệp cho người lao động.

4.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2024, công ty tiếp tục phát huy vai trò trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động từ thiện và hỗ trợ cộng đồng. Công ty đã tích cực tham gia và ủng hộ các chương trình thiện nguyện, cứu trợ thiên tai, hỗ trợ người nghèo do Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, Tập đoàn TKV và các địa phương khác phát động. Tổng số tiền công ty thực hiện cho công tác an sinh xã hội và từ thiện trong năm là 3.230 triệu đồng. Thông qua những đóng góp thiết thực này, công ty khẳng định cam kết phát triển bền vững gắn liền với cộng đồng, thể hiện vai trò của một doanh nghiệp có trách nhiệm và nhân văn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; Bảo toàn và phát triển vốn. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội



Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, không ghi nhận bất kỳ vi phạm nghiêm trọng nào trong kỳ. Chính sách trách nhiệm xã hội được triển khai hiệu quả thông qua các chương trình hỗ trợ cộng đồng thiết thực, góp phần nâng cao đời sống xã hội. Đồng thời, các chế độ phúc lợi dành cho người lao động được thực hiện đầy đủ và kịp thời, đảm bảo quyền lợi và tạo động lực làm việc cho cán bộ công nhân viên.

2. Về hoạt động của Ban giám đốc

HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc cũng như kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Giám đốc.

Trong năm 2024, Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, định hướng, chỉ đạo của HĐQT.

Giám đốc và các cán bộ quản lý đã triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong quá trình điều hành, Giám đốc và các cán bộ quản lý đã tuân thủ theo đúng phân cấp, quy định tại Điều lệ.

Đánh giá tổng thể, trong năm 2024, Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty định hướng và chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty thực hiện những công việc sau:

- Thực hiện các công việc trong nghị quyết đã được cuộc họp ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của Công ty năm 2025, định hướng đến năm 2030
- Tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ.
- Quản lý chặt chẽ chi phí và đề cao ý thức tiết kiệm chi phí để nâng cao lợi nhuận; cần có giải pháp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Nắm bắt cơ hội và đẩy mạnh hoạt động các lĩnh vực công ty có lợi thế trên cơ sở đảm bảo an toàn vốn.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ%/VĐL
1	Bùi Văn Tuấn	Chủ tịch	- Đại diện quản lý vốn của TKV tại Công ty:	- Đại diện quản lý vốn TKV tại Công

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ%/VĐL
			6.953.480 - Cá nhân:0	ty: 55% - Cá nhân:0
2	Nguyễn Mạnh Điệp	Thành viên	13.559	0,12
3	Trần Xuân Hòa	Thành viên độc lập	59.744	0,54
4	Phạm Minh	Thành viên	33.968	0,31
5	Nguyễn Văn Cứ	Thành viên	501.673	4,56

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Thực hiện chức năng quản lý và giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy giúp việc, HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ của Công ty. Trong năm 2024, HĐQT có 30 cuộc họp và đã ban hành 47 Nghị quyết với các nội dung công việc chủ yếu như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	02/01/2024	Tạm chi tiền thưởng CBQL chuyên trách 2023	100%
2	02/NQ-HĐQT	18/01/2024	Hạn mức vay vốn ngắn hạn 2024	100%
3	03/NQLT-HĐQT	18/01/2024	Công tác cán bộ (chủ trương bổ nhiệm lại Phó giám đốc Công ty)	100%
4	04/NQ-HĐQT	18/01/2024	Công tác cán bộ (chủ trương bổ nhiệm lần đầu Kế toán trưởng Công ty)	100%
5	05/NQ-HĐQT	18/01/2024	Phê duyệt kế hoạch đầu tư 2024	100%
6	06/NQ-HĐQT	18/01/2024	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	07/NQ-HĐQT	18/01/2024	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024 - 2026 điều chỉnh	100%
8	08/NQ-HĐQT	16/02/2024	Chủ trương tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2023	100%
9	09/NQ-HĐQT	16/02/2024	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
10	10/NQ-HĐQT	29/02/2024	Bổ nhiệm lại Phó giám đốc Nguyễn Thuý Dương	100%
11	11/NQ-HĐQT	29/02/2024	Tiếp tục giao nhiệm vụ cán bộ (Giao nhiệm vụ thư ký Công ty)	100%
12	12/NQ-HĐQT	20/3/2024	Rà soát bổ sung quy hoạch CBLĐ công ty 2020 - 2025 và 2025 - 2030	100%
13	13/NQ-HĐQT	29/3/2024	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương của Công ty năm 2023	100%
14	14/NQ-HĐQT	29/3/2024	Phê duyệt phương án sắp xếp tổ chức các đơn vị trong Công ty	80%
15	16/NQ-HĐQT	10/4/2024	Công tác cán bộ (bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty)	100%
16	17/NQ-HĐQT	14/5/2024	Phê duyệt định mức tín dụng và các hệ số tài chính năm 2024	100%
17	18/NQ-HĐQT	14/5/2024	Chi thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2023	100%
18	19/NQ-HĐQT	14/5/2024	Kế hoạch sử dụng quỹ Khen thưởng, phúc lợi năm 2024	100%
19	20/NQ-HĐQT	24/5/2024	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài	100%
20	21/NQ-HĐQT	06/6/2024	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
21	22/NQ-HĐQT	06/6/2024	Thông qua việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hoá	100%
22	23/NQ-HĐQT	06/6/2024	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở tại Công ty	100%
23	24/NQ-HĐQT	06/6/2024	Phê duyệt đưa vào sử dụng Kho than Gia Đức 01	100%
24	25/NQ-HĐQT	11/6/2024	Phê duyệt chủ trương mở kho tại Chân Mây, Thừa Thiên Huế	100%
25	26/NQ-HĐQT	26/6/2024	Phê duyệt đưa vào sử dụng kho than Cấn Thờ	100%
26	27/NQLT-HĐQT-ĐU	01/7/2024	Rà soát bổ sung quy hoạch CBLĐ công ty giai đoạn 2020 - 2025	100%
27	28/NQ-HĐQT	12/7/2024	Phê duyệt đưa vào sử dụng Khu A Kho than Gia Đức 02	100%
28	29/NQ-HĐQT	22/7/2024	Phê duyệt dự án đầu tư mua sắm thiết bị SXKD phục vụ SX	100%
29	30/NQ-HĐQT	22/7/2024	Bổ nhiệm cán bộ	100%
30	31/NQ-HĐQT	22/7/2024	Đồng ý cán bộ đi nước ngoài	100%
31	32/NQ-HĐQT	22/7/2024	Thông qua chủ trương báo cáo TKV đầu tư kho than Cà Ná.	100%
32	33/NQ-HĐQT	03/8/2024	Phê duyệt đưa kho than Gia Đức 02 vào sử dụng	100%
33	34/NQ-HĐQT	13/8/2024	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài	100%
34	35/NQ-HĐQT	20/8/2024	Đồng ý cán bộ đi nước ngoài	100%
35	36/NQ-HĐQT	20/8/2024	Điều chỉnh chuyển bước KHĐT 2024	100%
36	37/NQLT-ĐU-	11/9/2024	Khắc phục tác động của bão số 3 (Yagi-	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	HĐQT		2024) , ổn định kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch 2024	
37	38/NQ-HĐQT	25/10/2024	Báo cáo phương án chuẩn bị CSHT Than cho điện	100%
38	39/NQ-HĐQT	31/10/2024	Xây dựng thang lương, bảng lương của Công ty	100%
39	40/NQ-HĐQT	7/11/2024	1. Ban hành quy chế ĐT và XD; Quy chế Quản lý vật tư 2. Chuyển xếp lương cho Người quản lý 3. Kiểm điểm, đánh giá xếp loại cán bộ 2024	100%
40	41/NQ-HĐQT	20/11/2024	Công tác cán bộ	100%
41	42/NQ-HĐQT	21/11/2024	Rà soát tổ chức thực hiện hoàn thiện tiêu chuẩn kho than	100%
42	43/NQ-HĐQT	29/11/2024	Phê duyệt đưa kho than trung chuyển Chân Mây vào sử dụng	100%
43	44/NQ-HĐQT	04/12/2024	1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư 2024 điều chỉnh 2. Phê duyệt kế hoạch đầu tư 2025 3. Phê duyệt kế hoạch KTNB 2025	100%
44	45/NQ-HĐQT	10/12/2024	Chấm dứt hoạt động của kho than Thủy Nguyên 2 - HP	100%
45	46/NQ-HĐQT	12/12/2024	Công tác cán bộ	100%
46	47/NQ-HĐQT	12/12/2024	1. Chủ trương cán bộ đi nước ngoài. 2. Chủ trương bổ nhiệm cán bộ .	100%
47	48/NQ-HĐQT	28/12/2024	1. Đồng ý cán bộ nghỉ phép đi nước ngoài. 2. Công tác cán bộ.	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			3. Phê duyệt KHSXKD 2025 4. Tạm chi thường CBQL 2024	

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tính đến 31/12/2024, HĐQT công ty có 01 thành viên HĐQT độc lập – đáp ứng yêu cầu về số lượng thành viên độc lập HĐQT theo quy định đối với công ty niêm yết; Thành viên HĐQT độc lập tham gia 100% các phiên họp trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong năm 2024 và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào việc xây dựng chiến lược hoạt động và phát triển của Công ty.

Ông Trần Xuân Hoà, với vai trò Thành viên HĐQT độc lập đã góp phần giám sát, tư vấn hoàn thiện cơ chế quản trị của Công ty, kiểm soát tài chính chặt chẽ và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2024, thành viên HĐQT độc lập nhận thấy:

- Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, tài liệu được chuẩn bị đầy đủ theo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận và phản biện, đánh giá đầy đủ và cân trọng để đưa ra định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty;
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp đều được thảo luận, kiểm soát chặt chẽ;
- Các quyết định đầu tư vào dự án đều được nghiên cứu cân trọng, có cơ sở;
- HĐQT đã hoàn thành các công việc được giao với tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	4.242	0,04
2	Bùi Thị Minh Thư	Thành viên Ban kiểm soát	52.515	0,48
3	Nguyễn Thị Hồng Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	11.725	0,11

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát



- Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông giám sát HĐQT, Giám đốc Công ty trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều lệ.
- Tổng số cuộc họp BKS 06 cuộc. Các nội dung gồm:

STT	Số CV	Ngày	Nội dung
1	01/BB-BKS	16/01/2024	Thông qua Kế hoạch kiểm soát năm 2024
2	01/KH-BKS	16/01/2024	Kế hoạch kiểm soát năm 2024
3	154/BC-BKS	16/02/2024	BC THNV KSV năm 2023
4	02/BB-BKS	16/02/2024	BB thẩm định BCSXKD và BCTC năm 2023 và đề xuất đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024
5	309/CLM-BKS	28/03/2024	Báo cáo thẩm định BCTC 2023
6		28/03/2024	BBGS năm 2023
7	03/BB-BKS	28/03/2024	Thông qua các báo cáo thực hiện nhiệm vụ quý I/2024, Báo cáo trình ĐHĐCĐ 2024
8	373/CLM-BKS	15/04/2024	BC THNVSKS quý I/2024;
9		15/04/2024	BB làm việc quý I/2024
10	747 / CLM-BKS	19/07/2024	BC THNVSKS quý II/2024
11	04/BB-BKS	19/07/2024	Thông qua BB làm việc 6 tháng và thực hiện giám sát chuyên đề
12		19/07/2024	Giám sát 6 tháng đầu năm 2024
13		19/07/2024	Giám sát chuyên đề
14	1004/CLM-BKS	16/10/2024	Báo cáo THNV người đại diện quý III
15	05/BB-BKS	16/10/2024	Thông qua BB giám sát quý III/2024
16		16/10/2024	BBLV Giám sát 9 tháng đầu năm 2024
17	06/BB-BKS	04/12/2024	Thông qua KH làm việc BKS 2025

- Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp, đánh giá công tác tổ chức kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm của Ban; số lượng thành viên tham gia đầy đủ, các cuộc họp đều có biên bản và đảm bảo tính thống nhất cao.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT; giám sát các hoạt động của HĐQT về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT các quy chế qui định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.
- Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch điều hành phối hợp kinh doanh hàng năm giữa Công ty và TKV, việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy định của Giám đốc Công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại điều lệ Công ty.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024.
- Hằng quý, 6 tháng và cả năm, BKS thực hiện thẩm định báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, để đánh giá các mặt hoạt động của Công ty theo quy định;
- Tham gia ý kiến việc xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế của Công ty.
- Công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban giám đốc và BKS

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích:

- Ban giám đốc chuyên trách hưởng lương
- Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm hưởng phụ cấp kiêm nhiệm.
- Toàn bộ chi phí được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty và được thể hiện tại Báo cáo tài chính năm của Công ty.
- Chi tiết về lương, thưởng, thù vào và các lợi ích của các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh kiêm nhiệm	Số người	Thực hiện năm 2024 (triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	1	61,68
2	Thành viên HĐQT	3	157,68
3	Trưởng ban KS	1	54,96
4	Thành viên BKS	2	105,12
	Tổng cộng	7	379,44

- Chi tiết về lương, thưởng, thù vào và các lợi ích của các thành viên độc lập HĐQT:

Stt	Chức danh	Số người	Thực hiện (triệu đồng/năm)
1	Thành viên độc lập HĐQT (Ông Trần Xuân Hoà)	1	262,80

- Chi tiết về lương, thưởng, thù vào và các lợi ích của các thành viên quản lý chuyên trách:

Stt	Chức danh	Số người	Số tháng	Thực hiện (triệu đồng/năm)	
				Bình quân /tháng	Tổng quỹ lương
1	Giám đốc	1	12	51,87	622,44
2	Phó giám đốc	2	12	45,99	1.103,76

Stt	Chức danh	Số người	Số tháng	Thực hiện (triệu đồng/năm)	
				Bình quân /tháng	Tổng quỹ lương
3	Kế toán trưởng	1	9	44,00	396,00
	Tổng cộng	4			2.122,20

3.2. Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan năm 2024

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thái Hà	Chồng bà Lê Thị Thu Trang (Phó Giám đốc Công ty)	161.001	1,46%	218.801	1,99%	Mua

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông lớn	Mã số DN: 5700100252; thay đổi lần 4 ngày 253/7/2024; Sở KH&ĐT TP HN	Số 3 Dương Đình Nghệ, quận Cầu Giấy, Hà Nội	năm 2024	- Than xuất khẩu: 91.215,68 tấn; trị giá 22.582.392,15 USD; - Than mua nội địa: 1.557.980,64 tấn; trị giá 3.119.776.901.438 VNĐ
2	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-001	Tổ 93, khu 9B, Phường Cửa Ông - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh	năm 2024	- Than nhập khẩu: 1.537.368,68 tấn; trị giá 5.115.922.114.119 VNĐ - Than chế biến pha trộn: 2.099.065,81 tấn; trị giá 6.102.295.934.155 VNĐ - Than giao nhận: 4.832.393,67 tấn; trị giá :

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
						42.795.678.341 VNĐ;
3	Công ty Chế biến than Quảng Ninh-TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-061	Khu đô thị mới, Phường Cao Xanh - TP. Hạ Long - Quảng Ninh	năm 2024	- Than nhập khẩu: 1.014.609,03 tấn; trị giá: 3.406.962.365.512 VNĐ
4	Công ty Tuyển than Cửa Ông-TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-033	Tổ 48, Khu 4B2, phường Cửa Ông, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	năm 2024	Vật tư: 1.300.576.500 VNĐ
5	Trung tâm cấp cứu mỏ-Vinacomin	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-004	Phường Hà Tu- TP. Hạ Long- Tỉnh Quảng Ninh	năm 2024	Vật tư: 3.570.215.000 VNĐ
6	Công ty Than Quang Hanh-TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than –	5700100256-059	302 Trần Phú- Phường Cẩm Thành- TP. Cẩm Phả- Tỉnh	năm 2024	Vật tư: 5.209.730.400 VNĐ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
		Khoáng sản Việt Nam		Quảng Ninh		
7	Công ty than Nam Mẫu-TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-058	Số 1A Trần Phú- Phường Quang Trung- Thành phố Uông Bí- Tỉnh Quảng Ninh	năm 2024	Vật tư: 2.952.711.800 VNĐ
8	Công ty Nhôm Đắc Nông-TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-066	Thôn 11 - Xã Nhân Cơ - Huyện Đắc R'Lấp - Tỉnh Đắc Nông	năm 2024	Vật tư: 3.348.000.000 VNĐ
9	Công ty than Mạo Khê - TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-030		năm 2024	Vật tư: 7.741.056.500 VNĐ
10	Công ty than Dương Huy - TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than –	5700100256-032	Tổ 5- Khu phố Trần Hưng Đạo- Phường Cẩm Thạch- TP. Cẩm Phả-Tỉnh	Năm 2024	Vật tư: 669.900.000 VNĐ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
		Khoáng sản Việt Nam		Quảng Ninh		
11	Công ty than Hạ Long - TKV	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256-062	Khu Diêm Thủy- Phường Cẩm Đông- TP. Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024	Vật tư: 47.266.433 VNĐ
12	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5800939133	Số 35 Phan Đình Phùng, Tổ 15, Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng	Năm 2024	Vật tư: 2.147.472.000 VNĐ
13	Công ty cổ phần giám định Vinacomin	Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100552	Số 55 đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024	Phí dịch vụ: 14.177.075.304 VNĐ
14	Bệnh viện Than – Khoáng sản Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp hạch toán độc lập của Tập	5700100256-034	Ngõ 1 phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Quận Thanh	Năm 2024	Phí dịch vụ: 282.973.431 VNĐ

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng
		đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam		Xuân, Thành phố Hà Nội		
15	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5700100256-068	Số 25 Ngõ 46 Phố An Hoà, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Năm 2024	Phí dịch vụ: 155.369.180 VNĐ
16	Trường cao đẳng Than – Khoáng sản Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp hạch toán độc lập của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam	5701740890	Số 8, Chu văn An, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024	Phí dịch vụ: 105.020.000 VNĐ

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đã thực hiện đúng theo các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế

toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Toàn văn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội của Công ty tại đường dẫn: <https://coalimex.vn/doc-cat/cong-bo-thong-tin>

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN;
- HDQT, BKS (b/c);
- P.KTTC, KTNB;
- Lưu: VT, TCHC, Tký Cty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ✓

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh